TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2018
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Trúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành
2. Bà Trần Thị Hồng Diễm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quang B, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.(có mặt).
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 08/02/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Quang B trình bày: anh và chị T cưới nhau vào năm 2010, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2012 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị T không quan tâm chăm sóc cho gia đình, thường xuyên tụ tập chơi bài dẫn đến nợ nần, anh nhiều lần cùng chị T trả nợ và khuyên nhủ nhưng chị T vẫn không thay đổi, vợ chồng ly thân từ ngày 10/02/2014 đến nay. Nay, anh nhận thấy không còn tình cảm với chị T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/8/2011. Hiện tại đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không có.
Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng chị T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Lê Quang B khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim T, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị T vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T.

[2]Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Lê Quang B và chị Nguyễn Thị Kim T cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2012 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh B trình bày thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do chị T không biết vun vén cho hạnh phúc gia đình, có những thú vui riêng không lành mạnh dẫn đến nợ nần làm cho kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Những lúc mâu thuẫn xảy ra, anh có góp ý và khuyên nhủ chị T nhưng không có kết quả. Năm 2014, chị T tự ý bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay, anh B cho rằng hôn nhân không còn khả năng hàn gắn nên cương quyết yêu cầu ly hôn với chị T. Đối với chị Nguyễn Thị Kim T, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng chị T vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh B cũng như không đến Tòa án để giải quyết cho thấy chị T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa anh B và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/8/2011, hiện đang sống với anh B đã ổn định, cháu Th cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với anh B nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh B. Anh B tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Chị T không trực tiếp

nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: anh B nêu tài sản chung không có nên không yêu cầu chia tài sản và nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: anh B chịu 1.350.000 đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đã nộp đủ.

Về án phí: Anh Lê Quang B phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang B về việc "tranh chấp ly hôn" đối với chị Nguyễn Thị Kim T.

Về hôn nhân: Anh Lê Quang B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

Về nuôi con chung: Anh Lê Quang B được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/8/2011, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: anh Lê Quang B chịu 1.350.000 đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, anh B đã nộp đủ.

Về án phí: Anh Lê Quang B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000886 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh B đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định đượcc thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đượcc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Trúc